

kiện cho bộ rễ phát triển theo chiều sâu, tăng khả năng chống đổ của cây lúa. Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để phát hiện sâu bệnh và kịp thời phòng trừ.

3.5. Phòng trừ sâu bệnh

Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để phát hiện sâu bệnh và kịp thời phòng trừ. Chỉ phun thuốc phòng trừ khi giống bị hại nặng có nguy cơ lây lan thành dịch.

Bọ trĩ: Dùng Sherpa 10EC, Fastas 5EC.

Sâu đục thân, sâu cuốn lá: Dùng Basudin 10G, Diaphos 10G, Padan 955P.

Rầy nâu: Dùng Bassa 50EC, Regent 800WP, Trebon 20ND, Mipcin 20WP, rạch hàng lúa để phun. Nếu dùng Actara 25WG thì không cần rạch hàng nhưng vẫn phải phun tập trung vào gốc lúa.

Bệnh khô vằn: Dùng Validacin 3SL, 5L, 5SP; Vacocin 3SL; Anlicin 5WP, 5SL; Hạt vàng 50WP; Tien 250EW,....

Bệnh đạo ôn: Dùng New Hinosan 30EC, Kitazin 50EC, Kasai 21,2% trừ đạo ôn lá; thuốc Fujione 40EC, Beam 75WP trừ đạo ôn lá, cổ bông.

(Cách phun, nồng độ, liều lượng theo hướng dẫn trên bao bì của từng loại thuốc).

3.6. Thu hoạch

Để đảm bảo chất lượng cần phải thu hoạch kịp thời khi có khoảng 85% - 90% số hạt trên bông chín, cần phải phơi đều, không phơi mỏng quá tránh hiện tượng gãy hạt lúc xay xát.

IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ SỬ DỤNG

Hiện nay diện tích gieo trồng giống HT6 lên hàng ngàn ha và đã được nhiều địa phương sử dụng để gieo cấy trong trà xuân muộn, mùa sớm.

Giống HT6 đã gieo trồng tại Thanh Hóa, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Sơn La, Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Hà Nam,... và đã được các địa phương tự mở rộng giống trên nhiều vùng, chân đất gieo cấy lúa của tỉnh.

7. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA NẾP 98 (N87-2)

Nguyễn Xuân Dũng

I. NGUỒN GỐC

Giống lúa Nếp N98 được Bộ môn chọn tạo giống lúa chất lượng và đặc sản, Trung tâm nghiên cứu và phát triển lúa thuần - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm tuyển chọn từ tổ hợp Yunshin//I.316/IR26 nhập nội từ IRRI năm 1987; năm 2000 - 2005 đánh giá năng suất, chống chịu, tính thích ứng; năm 2001 - 2007 mở rộng và sản xuất ở các tỉnh đồng bằng Bắc, Trung, Nam bộ và miền núi phía Bắc.



Giống N98 có chất lượng khá, xôi dẻo, đậm, có thể sử dụng chế biến bột làm các loại bánh, làm bánh chưng, xôi, nấu rượu phục vụ nhu cầu của nhân dân, đặc biệt là các vùng cao và thành thị.

Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận giống sản xuất thử nghiệm năm 2008.

II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

Giống lúa Nếp N98 là giống lúa ngắn ngày, có thời gian sinh trưởng vụ mùa: 113 - 118 ngày, vụ xuân muộn: 135 - 145 ngày.

Chiều cao cây: 105 - 110 cm, cứng cây, đẻ nhánh khỏe, bông dài, số hạt chắc từ 190 - 230 hạt/bông, trọng lượng 1000 hạt là 25 - 26 g.

Khả năng chống chịu: Khả năng chịu rét trung bình (điểm 3 - 5), chống đổ khá (điểm 3), chống chịu khá với một số loại sâu bệnh hại chính như đạo ôn, khô vằn, bạc lá.

Năng suất trung bình 6 tấn/ha, thâm canh tốt đạt 8 tấn/ha/vụ. Năng suất cao hơn nếp IRi352 từ 10 - 20%.

III. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT

1. Thời vụ

Giống lúa Nếp N98 thích hợp trà xuân muộn, mùa sớm ở các tỉnh phía Bắc.

Vụ xuân: Có thể gieo mạ được trà xuân muộn từ 20/1 đến 5/2. Cấy sau lập xuân, đối với mạ được cần cấy kết thúc sớm tránh mạ già, mạ sâu cây tuổi mạ 12 - 15 ngày.

Vụ mùa: Bố trí trà mùa sớm gieo từ 6/6 đến 25/6, tuổi mạ được 16 - 18 ngày.

2. Kỹ thuật làm mạ

2.1. Đất gieo mạ

Ruộng gieo mạ cần chọn ruộng có chân đất có độ phì trung bình khá, chủ động tưới tiêu và phòng chống được các điều kiện bất thuận, tốt nhất là chân đất làm màu, vụ trước không cấy lúa.

Đất mạ được cày bừa nhuyễn, mặt luống phẳng. Chia luống rộng 1,2 - 1,5 m theo chiều rút nước của ruộng.

2.2. Chuẩn bị hạt giống

+ Hạt giống phải khô, sạch, chắc mẩy, thuần, đồng nhất về kích cỡ, không bị lẫn những hạt giống khác, không bị lẫn hạt cỏ và tạp chất, không có hạt lem, lép và không bị dị dạng.

+ Hạt giống không bị côn trùng phá hoại (sâu mọt), không mang mầm bệnh nguy hiểm.

+ Tỷ lệ nảy mầm cao, đạt 85% trở lên.

+ Xử lý hạt giống :

- Xử lý loại bỏ hạt lép lửng: Dùng nước muối tỷ trọng 1,10 - 1,13 để xử lý thóc giống sẽ loại bỏ được toàn bộ hạt lép lửng. Để pha dung dịch nước muối trên, cho 220 - 230 gam muối ăn pha với 1 lít nước, 1 thể tích thóc cần 3 thể tích nước muối.

Đổ thóc giống cần xử lý vào dung dịch muối đã pha, khuấy đều, sau đó vớt hết các hạt lép lửng nổi trên mặt nước, những hạt chìm là những hạt đạt yêu cầu. Cần đãi sạch lượng muối tàn dư, để ráo nước sau đó có thể chọn một trong các phương pháp sau:

- Xử lý bằng nước nóng 54°C (pha tỷ lệ 3 sôi 2 lạnh): Ngâm hạt vào nước lạnh 24 giờ, sau đó đưa vào nước nóng 45 - 47°C trong 5 phút và cuối cùng là nước nóng 54 - 55°C trong 10 phút. Phương pháp này đơn giản nhất, có tác dụng trừ nấm bệnh và tuyến trùng trên hạt, tạo cho hạt hút nước nhanh.

- Xử lý bằng nước vôi: Hòa tan 1kg vôi sống vào 100 lít nước, ngâm 1 - 2 ngày ở vụ mùa, 3 - 4 ngày ở vụ xuân, đãi sạch rồi ủ thúc mầm.

2.3. Gieo và chăm sóc mạ

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để có mạ tốt, đồng đều sạch bệnh, đủ mạ.

- *Gieo mạ*: Sau khi kiểm tra thấy thóc giống nứt nanh thì hôm sau làm đất để gieo ngay.

- *Bón phân cho mạ*: Bón lót cho 1ha mạ với lượng phân chuồng 10 tấn + 45 kg N + 85 kg P₂O₅ + 50 kg K₂O.

Sau khi bón dùng cào vùi phân vào đất ở độ sâu 3 - 4 cm, cuối cùng trang phẳng mặt luống bằng trang gỗ sao cho nước không đọng trên bề mặt luống và đưa mạ vào gieo.

Bón thúc cho mạ khi mạ được 2 lá với lượng phân (45kg N + 50 kg K₂O)/ha để kịp thời cung cấp dinh dưỡng cho cây mạ sinh trưởng tốt.

- *Tưới nước cho mạ*: Sau khi mạ được 1,5 lá đưa nước vào ruộng mạ cho láng mặt ruộng và luôn giữ đủ nước để ruộng mạ mềm bùn.

3. Kỹ thuật sản xuất lúa cấy

3.1. Đất và làm đất

Chân đất thích hợp: Giống lúa Nếp N98 thích hợp chân đất vằn, vằn thấp, khả năng thích ứng rộng, tưới tiêu chủ động. Đất phải được làm kỹ, kịp thời để đảm bảo đúng thời vụ gieo cấy.

3.2. Mật độ cấy

Cấy 40 - 45 khóm/m², mỗi khóm 2 - 3 dảnh.

3.3. Bón phân cho lúa

- *Lượng phân bón:*

Lượng phân bón cho một sào Bắc bộ (360 m²) gồm 300 - 400 kg phân chuồng, 8 - 10 kg đạm urê, 15 - 20 kg lân, 6 - 8 kg kali (cho 1 ha: 8 - 10 tấn phân chuồng + 250 - 300 kg đạm urê + 400 - 600 kg lân + 150 - 200 kg kali).

- *Cách bón:* Nên bón nặng đầu nhẹ cuối.

Bón lót: Phân chuồng + lân + 50% đạm + 30% kali trước khi bừa cấy.

Bón thúc khi lúa bén rễ hồi xanh (sau cấy 15 - 20 ngày) 50% đạm + 30% kali, kết hợp làm cỏ sục bùn. Bón đón đòng trước khi phơi màu 30 ngày 40% kali còn lại.

3.4. Làm cỏ chăm sóc

Làm cỏ sục bùn kết hợp với bón thúc lần 1 khi lúa đã bén rễ hồi xanh. Làm cỏ lần 2 sau lần một 15 ngày, chú ý nhổ sạch cỏ dại, đặc biệt là cỏ lồng vục. Cần giữ nước nông thường xuyên 1 - 3 cm trong thời kỳ đẻ nhánh. Khi lúa đẻ nhánh rộ cần thực hiện rút nước phơi ruộng từ 3 - 5 ngày để hạn chế các dảnh vô hiệu, sau đó lại tiếp tục cho nước vào. Thời kỳ lúa làm đòng trở bông thường giữ nước nông thường xuyên 3 - 5 cm. Thời kỳ vào chắc cần tưới tiêu xen kẽ. Khi lúa chín sấp cần rút hết nước trên ruộng để tạo điều kiện cho bộ rễ phát triển theo chiều sâu, tăng khả năng chống đổ của cây lúa.

3.5. Phòng trừ sâu bệnh

Chỉ phun thuốc phòng trừ khi lúa bị hại nặng có nguy cơ lây lan thành dịch.

Bọ trĩ: Dùng Sherpa 10EC, Fastas 5EC.

Sâu đục thân, sâu cuốn lá: Dùng Basudin 10G, Diaphos 10G, Padan 955P.

Rầy nâu: Dùng Bassa 50EC, Regent 800WP, Trebon 20ND, Mipcin 20WP, rạch hàng lúa để phun. Nếu dùng Actara 25WG thì không cần rạch hàng nhưng vẫn phải phun tập trung vào gốc lúa.

Bệnh khô vằn: Dùng Validacin 3SL, 5L, 5SP; Vacocin 3SL; Anlicin 5WP, 5SL; Hạt vàng 50WP; Tien 250EW,....

Bệnh đạo ôn: Dùng New Hinosan 30EC, Kitazin 50EC, Kasai 21,2% trừ đạo ôn lá; thuốc Fujione 40EC, Beam 75WP trừ đạo ôn lá, cổ bông.

(Cách phun, nồng độ, liều lượng theo hướng dẫn trên bao bì của từng loại thuốc).

3.6. Thu hoạch

Để đảm bảo chất lượng cần phải thu hoạch kịp thời khi có khoảng 85% - 90% số hạt trên bông chín. Khi phơi đảo thường xuyên để hạt khô đều.

IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ SỬ DỤNG

Giống lúa nếp N98 đã được nhiều địa phương ở các tỉnh phía Bắc đưa vào cơ cấu trà xuân muộn, mùa sớm, hè thu để thay thế cho giống nếp IRI352 như Lai Châu, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình... Một số tỉnh Bắc Trung bộ cũng đã gieo cấy bước đầu có kết quả tốt như Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị... Hiện nay diện tích gieo trồng giống nếp N98 lên tới hàng nghìn hecta.

8. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA CẠN LC93-1

Đình Văn Thành

I. NGUỒN GỐC

Giống lúa cạn LC93 - 1 là giống lúa cạn cải tiến năng suất cao, do các tác giả thuộc Viện Bảo vệ thực vật tuyển chọn từ giống lúa nhập nội có nguồn từ dòng gốc CT7739 - 2 - m - 3 - 3 - 2, số thứ tự 17 trong tập đoàn lúa cạn của IRRI và có nguồn gốc từ CIAT. Chất lượng gạo tốt, hạt gạo trong, dài, tỷ lệ gạo cao, cơm dẻo.

Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận tạm thời năm 1999 và công nhận chính thức năm 2004.



Mô hình lúa cạn LC93 - 1 tỉnh Pathuphon - Lào - 2010



Mô hình lúa cạn LC93 - 1 trên nương cao su giai đoạn kiến thiết cơ bản tại Đắc Lắc - 2010

II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

Thời gian sinh trưởng ngắn, từ 115 - 130 ngày ở vụ mùa vùng núi phía Bắc, 100 - 105 ngày ở các tỉnh phía Nam (ngắn hơn giống địa phương từ 30 - 40 ngày).